



CTCP ĐÁ NÚI NHỎ

ĐC : Bình An, Dĩ An, Bình Dương

ĐT : 0650.751515

FAX : 0650.751234

MST : 3700762471

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2010

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động kinh doanh
- Lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B01 - DN

Mẫu số B02 - DN

Mẫu số B03 - DN

Mẫu số B09 - DN



Mẫu số B 01a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ 1 NĂM 2010

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		94,707,609,707	118,680,917,872
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	68,112,742,902	71,604,149,808
1. Tiền	111		25,112,742,902	6,604,149,808
2. Các khoản tương đương tiền	112		43,000,000,000	65,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	25,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	0	25,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13,373,122,521	14,081,788,295
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	10,466,956,627	9,938,096,808
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	2,562,128,000	2,647,378,232
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	138	V.05	396,816,331	1,549,091,682
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.06	(52,778,427)	(52,778,427)
IV. Hàng tồn kho	140		9,602,092,727	6,293,728,236
1. Hàng tồn kho	141	V.07	9,602,092,727	6,293,728,236
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.08	3,619,651,557	1,701,251,533
1. Chi phí trả trước ngắn hạn			2,195,794,926	302,177,579
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		344,408,327	414,520,600
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,079,448,244	984,553,354
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		53,516,092,630	44,128,873,513
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220	V.09	16,100,755,741	16,792,545,677
1. Tài sản cố định hữu hình	221		16,079,171,938	16,768,282,344
- Nguyên giá	222		23,218,957,653	23,186,984,453
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7,139,785,745)	(6,418,702,109)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		21,583,833	24,263,333
- Nguyên giá	228		32,154,000	32,154,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10,570,167)	(7,890,667)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	0	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		37,415,336,889	27,336,327,836
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	37,011,964,177	26,932,955,124
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	403,372,712	403,372,712
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		148,223,702,337	162,809,791,385
NGUỒN VỐN			0	0
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		43,305,535,361	32,994,545,143
I. Nợ ngắn hạn	310		43,311,372,361	32,994,545,143
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
2. Phải trả người bán	312	V.13	7,371,264,351	7,917,904,399
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	2,410,565,810	1,831,553,486
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	24,223,854,723	18,142,229,386
5. Phải trả người lao động	315	V.16	295,558,000	3,581,732,000
6. Chi phí phải trả	316	V.17	403,372,712	403,372,712
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	6,322,697,099	1,117,753,160
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2,284,059,666	0
II. Nợ dài hạn	330		(5,837,000)	0
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		(5,837,000)	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.19	104,918,166,976	129,815,246,242

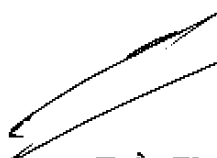
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
I. Vốn chủ sở hữu	410		104,918,166,976	127,816,375,567
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		87,681,750,000	87,681,750,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(13,489,500,000)	(13,489,500,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,719,903,628	14,617,192,807
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8,146,102,218	7,286,150,404
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		331,494,158	579,195,670
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20,528,416,932	31,141,586,686
11. Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản	421		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	1,998,870,675
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		0	1,998,870,675
2. Nguồn kinh phí	432		0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
TỔNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		148,223,702,337	162,809,791,385

Người lập



Nguyễn Thị Kiều Dung

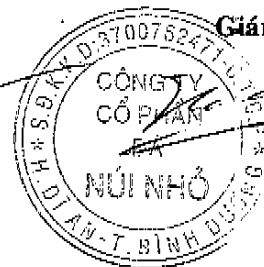
Kế toán trưởng



Trần Phú Cường

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Giám Đốc



PHIẾM TRONG NHẬN



Mẫu số B 02a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ 1 NĂM 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	QUÝ 1	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.18	50,099,570,934	50,099,570,934
2. Các khoản giảm trừ	2		0	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		50,099,570,934	50,099,570,934
4. Giá vốn hàng bán	11	V.19	27,727,598,983	27,727,598,983
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		22,371,971,951	22,371,971,951
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.20	1,868,550,410	1,868,550,410
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.21	0	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	-
8. Chi phí bán hàng	24	V.22	333,163,082	333,163,082
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.23	977,745,123	977,745,123
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		22,929,614,156	22,929,614,156
11. Thu nhập khác	31	V.24	5,200,636	5,200,636
12. Chi phí khác	32	V.25	2,074,812	2,074,812
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3,125,824	3,125,824
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22,932,739,980	22,932,739,980
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.27	5,476,191,660	5,476,191,660
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17,456,548,320	17,456,548,320
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2,043	2,043
19. Cổ tức trên mỗi cổ phiếu			1,570	1,570

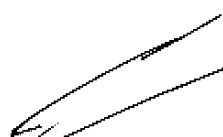
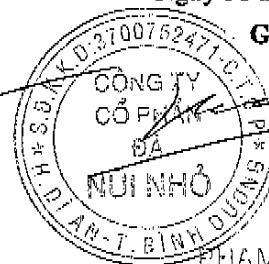
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám Đốc


 Nguyễn Thị Kiều Dung


 Trần Phú Cường


PHẠM TRUNG NHÂM



Mẫu số B 03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ 1 NĂM 2010

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ NÀY	QUÝ TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh		0	0
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	52,555,508,844	66,566,355,414
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(37,629,991,397)	(28,004,969,645)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(5,963,489,571)	(2,752,481,381)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	0	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(1,425,719,145)	(150,166,409)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4,880,379,755	3,779,690,263
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(30,615,504,285)	(26,369,998,808)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18,198,815,799)	13,068,429,434
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(204,207,200)	(14,400,000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5,200,636	11,579,456
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(114,003,065,677)	(39,996,934,323)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	139,000,000,000	60,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	522,985,545	1,497,811,547
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25,320,913,308	21,498,056,680
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	0	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10,616,570,092)	(545,938,659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10,616,570,092)	(545,938,659)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(3,494,472,584)	34,020,547,455
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	71,607,215,485	37,586,668,030
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
- Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	68,112,742,901	71,607,215,485

Người lập

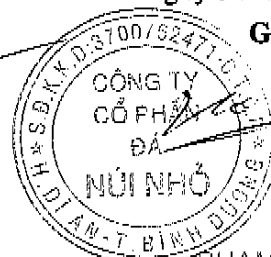
Nguyễn Thị Kiều Dung

Kế toán trưởng

Trần Phú Cường

Ngày 31 tháng 3 Năm 2010

Giám Đốc



PHẠM TRUNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Quý năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Xí nghiệp khai thác đá số III trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000286 ngày 14/11/2006 (lần đầu), đăng ký thay đổi (lần 2) ngày 07/12/2009 với vốn điều lệ là 87.681.750.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn của các cổ đông sáng lập là:

- Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Mai Văn Chánh, Ông Phạm Trọng Nhân làm đại diện) nắm giữ 2.698.340 cổ phần tương đương 26.983,4 triệu đồng, chiếm 30,77%.
- Ông Mai Văn Chánh nắm giữ 118.340 cổ phần tương đương 1.183,4 triệu đồng, chiếm 1,35%;
- Ông Trần Minh Tâm nắm giữ 26.582 cổ phần tương đương 265,82 triệu đồng, chiếm 0,30%;
- Ông Nguyễn Văn Chối nắm giữ 17.476 cổ phần tương đương 174,76 triệu đồng, chiếm 0,19%;
- Ông Đoàn Văn Kinh nắm giữ 4.260 cổ phần tương đương 42,6 triệu đồng, chiếm 0,04%.

Ngành, nghề kinh doanh : Khai thác đá, đất sét; sản xuất ngói xi măng màu; Mua bán vật liệu xây dựng.

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là khai thác đá xây dựng, cát xây dựng

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng :**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Quý/năm 2010

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

V. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá trên chi phí thực tế phát sinh.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, DT An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Quý/năm 2010

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

4.3. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 8 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
- Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
- Phương tiện vận tải	3 - 4 năm

5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

5.1. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Quý năm 2010

khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

5.2. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

5.2.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.2.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

7. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Khi lập BCTC 2008, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận theo điều lệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, DT An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Quý năm 2010

hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán và Kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Quý này	31/12/09
Tiền mặt tại quỹ	1,062,510,017	159,607,663
Tiền gửi ngân hàng	24,050,232,885	6,444,542,145
Các khoản tương đương tiền	43,000,000,000	65,000,000,000
Cộng	68,112,742,902	71,604,149,808
+ Tiền gửi VND	24,048,340,592	6,442,649,852
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN Nam Bình Dương	23,107,344,221	3,764,367,675
Ngân hàng khác	940,996,371	2,678,282,177
+ Tiền gửi USD	1,892,293	1,892,293
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN Nam Bình Dương 102,48USD #	1,892,293	1,892,293
<i>(Trong đó, ở Ngân hàng ĐT và PT VN CN Nam Bình Dương có 403.372.712 VNĐ tiền ký quỹ phục hồi môi trường; trong khai thác khác</i>		
2. Đầu tư ngắn hạn	Quý này	31/12/09
Cổ phiếu mua từ quỹ phúc lợi	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại CN NH ĐT và PT CN Nam BD	-	25,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại CN NH ĐT và PT CN Nam BD	-	-
Cộng	-	25,000,000,000
3. Phải thu của khách hàng	Quý này	31/12/09
Các khoản phải thu	10,466,956,627	9,938,096,808
Các khoản phải thu chưa được xác nhận công nợ	-	-
Cộng	10,466,956,627	9,938,096,808
(*) Khoản phải thu đã được đối chiếu		
4. Trả trước cho người bán	Quý này	31/12/09
Các khoản trả trước cho người bán	2,562,128,000	2,647,378,232
Các khoản trả trước cho người bán chưa được xác nhận công nợ	-	-
Cộng	2,562,128,000	2,647,378,232
5. Các khoản phải thu khác	Quý này	31/12/09
Thuế thu nhập cá nhân	-	116,548,000
Đất Tân Ba	196,333,210	196,333,210
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	200,483,111	1,236,210,472
Phải thu khác	-	-
Tiền đặt cọc	-	-
Cộng	396,816,321	1,549,091,682
6. Dự phòng phải thu khó đòi	Quý này	31/12/09
Công ty công trình giao thông công chánh TP HCM	(52,778,427)	(52,778,427)
Cộng	(52,778,427)	(52,778,427)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Quý này	31/12/09
7. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	1,227,684,270	1,559,300,909
Công cụ dụng cụ	15,339,472	3,210,267
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	406,985,775	395,833,194
Thành phẩm tồn kho	7,952,083,210	4,335,383,866
Cộng	9,602,092,727	6,293,728,236
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ	9,602,092,727	6,293,728,236
8. Tài sản ngắn hạn khác		
Thuế GTGT được KT	344,408,387	414,520,600
Cp trích trước ngắn hạn	2,195,794,926	302,177,579
Tài sản ngắn hạn khác (tạm ứng, đặt cọc mua đất, TS thiếu chờ xử lý)	1,079,448,244	984,553,354
Cộng	3,619,651,557	716,698,179
Trong đó:	1,079,448,244	984,553,354
+ Tạm ứng	455,619,890	360,725,000
+ Đặt cọc mua đất	600,000,000	600,000,000
+ Tài sản thiếu chờ xử lý	23,828,354	23,828,354

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	6,888,334,673	13,625,671,694	676,080,143	1,996,897,943	23,186,984,453
Mua trong kỳ	31,973,200	-	-	-	31,973,200
Tăng khác (*)					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác					
Số cuối kỳ	6,920,307,873	13,625,671,694	676,080,143	1,996,897,943	23,218,957,653
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	2,165,770,299	3,319,538,993	394,866,578	538,526,239	6,418,702,109
Tăng trong kỳ	218,357,611	406,144,040	23,207,455	73,374,530	721,083,636
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2,384,127,910	3,725,683,033	418,074,033	611,900,769	7,139,785,745
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	4,722,564,374	10,306,132,701	281,213,565	1,458,371,704	16,768,282,344
Số cuối kỳ	4,536,179,963	9,899,988,661	258,006,110	1,384,997,174	16,079,171,908

TSCĐ vô hình

Nguyên giá	
Số đầu kỳ	32,154,000
Tăng trong kỳ	0
Giảm trong kỳ	0
Số cuối kỳ	32,154,000
Giá trị hao mòn	
Số đầu kỳ	7,890,667
Tăng trong kỳ	2,679,500
Giảm trong kỳ	
Số cuối kỳ	10,570,167
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	24,263,333
Số cuối kỳ	21,583,833

Không có cam kết nào về việc mua bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Quý này	31/12/09
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Cải tạo sửa chữa đường kv3	-	-
Văn phòng làm việc Bình Phước	-	18,590,909
Cộng	-	18,590,909
11. Chi phí trả trước dài hạn	Quý này	31/12/09
Tiền đất	9,803,822,334	10,165,894,465
Sửa chữa đường	12,578,915,328	2,198,227,285
Lợi thế thương mại	440,156,394	6,895,783,509
Khác	14,189,070,121	7,673,049,865
Cộng	37,011,964,177	26,932,955,124
12. Tài sản dài hạn khác	Quý này	31/12/09
Ký quỹ phục hồi môi trường	403,372,712	403,372,712
Cộng	403,372,712	403,372,712
13. Phải trả cho người bán	Quý này	31/12/09
Các khoản phải trả đã được xác nhận nợ	7,371,264,351	7,917,904,399
Các khoản phải trả chưa được xác nhận nợ	-	-
Cộng	7,371,264,351	6,923,960,990
14. Người mua trả tiền trước	Quý này	31/12/09
Khoản người mua trả tiền trước đã được đối chiếu công nợ	2,410,565,810	1,831,553,486
Khoản người mua trả tiền trước chưa được đối chiếu công nợ	-	-
Cộng	2,410,565,810	439,616,984
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Quý này	31/12/09
Thuế GTGT phải nộp	-	1,197,227,508
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20,514,777,493	16,464,304,978
Thuế thu nhập cá nhân	152,301,940	122,481,000
Thuế tài nguyên	2,387,054,300	252,636,900
Thuế khác	203,234,990	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	966,486,000	105,579,000
Cộng	24,223,854,723	18,142,229,386
16. Phải trả người lao động	Quý này	31/12/09
Lương phải trả cho người lao động đã hạch toán vào chi phí	295,558,000	1,471,623,000
Tiền thưởng trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	2,110,109,000
Cộng	295,558,000	3,581,732,000
17. Chi phí phải trả	Quý này	31/12/09
Phải trả khoản tiền ký quỹ phục hồi môi trường	403,372,712	403,372,712
Trả trước xe máy thiết bị thuê ngoài	-	-
Cộng	403,372,712	403,372,712
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Quý này	31/12/09
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	76,555,899	116,610,160
Kinh phí công đoàn	119,247,800	-
Bảo hiểm xã hội	-	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông	5,125,750,400	-
Phải trả khác	801,143,000	801,143,000
Tiền đặt cọc cho thuê MB	200,000,000	200,000,000
Cộng	6,322,697,099	1,117,753,160

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Năm nay					
Số dư đầu kỳ	87,681,750,000	14,617,192,807	7,286,150,404	579,195,670	31,141,586,686
- Tăng vốn trong năm nay	-				-
- Lợi nhuận sau thuế					17,456,548,320
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ (*)					3,783,787,982
+ Phân phối cho quỹ CSH		1,719,903,628	859,951,814	171,990,363	2,751,845,805
+ Cổ tức phải trả					13,669,360,000
cho cổ đông					
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi					859,951,814
+ Các khoản khác (thưởng ban điều hành)					171,990,363
+ Nộp thuế TNDN truy thu 07+08					10,616,570,092
- Giảm năm nay		14,617,192,807	-	419,691,835	15,036,884,642
Số dư cuối năm nay	87,681,750,000	1,719,903,628	8,146,102,218	331,494,198	20,528,416,932

(*): Trong năm tài chính Công ty tạm phân phối lợi nhuận như sau:

NỘI DUNG	Năm 2009	
	Tỷ lệ	Số tiền
Lợi nhuận		22,932,739,980
Thuế TNDN phải nộp hoặc được miễn (25%)		5,733,703,698
Lợi nhuận còn lại được đơn vị tạm phân phối		17,199,036,282
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	1%	171,990,363
Quỹ thưởng Ban Quản Lý điều hành	1%	171,990,363
Quỹ dự phòng tài chính	5%	859,951,814
Quỹ đầu tư phát triển	10%	1,719,903,628
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5%	859,951,814
Cổ tức		13,415,248,300

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Quý này		Năm trước	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
-Vốn đầu tư của nhà nước	26,983,400,000	26,983,400,000	26,983,400,000	26,983,400,000
-Vốn góp của cổ đông khác	58,450,100,000	58,450,100,000	58,450,100,000	58,450,100,000
-Thặng dư vốn cổ phần				
-Cổ phiếu ngân quỹ	2,248,250,000	2,248,250,000	2,248,250,000	2,248,250,000
	87,681,750,000	87,681,750,000	87,681,750,000	87,681,750,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận :

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý này	31/12/09
Vốn góp đầu năm	87,681,750,000	87,681,750,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	87,681,750,000	87,681,750,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

Cổ phiếu :	Quý này	31/12/09
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8,768,175	8,768,175
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8,768,175	8,768,175
+ Cổ phiếu thường	8,768,175	8,768,175
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,768,175	8,768,175
+ Cổ phiếu thường	8,543,350	8,543,350
+ Cổ phiếu quỹ	224,825	224,825

- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đ/cổ phần

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý này	31/12/09
Doanh thu bán thành phẩm	48,270,119,277	207,838,800,387
Doanh thu bán hàng hóa	169,171,271	1,045,492,127
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,660,280,386	5,938,097,935
Cộng	50,099,570,934	214,822,390,449

Trong năm đơn vị không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

19. Giá vốn hàng bán	Quý này	31/12/09
Giá vốn hàng bán	26,372,294,518	116,046,974,884
Giá vốn hoạt động khác	1,355,304,465	4,737,777,329
Cộng	27,727,598,983	120,784,752,213

20. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý này	31/12/09
Lãi tiền gửi	1,868,550,410	4,451,915,344
Chênh lệch tỷ giá	-	156,395
Cộng	1,868,550,410	4,452,071,739

21. Chi phí tài chính	Quý này	31/12/09
Chi phí lãi vay	-	-
Cộng	-	-

22. Chi phí bán hàng	Quý này	31/12/09
Chi phí nhân viên bán hàng	176,574,855	1,129,873,132
Chi phí vật liệu bao bì	-	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	16,490,350	57,027,095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136,778,877	1,438,090,320
Chi phí bằng tiền khác	3,319,000	210,281,326
Cộng	333,163,082	2,835,271,873

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Quý này	31/12/09
23. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	481,056,584	2,275,412,634
Chi phí vật liệu quản lý		5,449,741
Chi phí đồ dùng văn phòng	27,106,848	362,786,767
Chi phí khấu hao TSCĐ	82,227,552	320,418,012
Thuế, phí và lệ phí	1,000,000	27,641,366
Chi phí dự phòng		172,102,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95,305,800	330,384,427
Chi phí bằng tiền khác	291,048,339	854,459,566
Cộng	977,745,123	4,348,654,513
24. Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ		2,220,952,381
Thu nhập khác	5,200,636	2,437,611,341
Cộng	5,200,636	4,658,563,722
25. Chi phí khác		
Thanh lý TSCĐ		193,464,937
Chi phí khác	2,074,812	82,280,137
	2,074,812	275,745,074
26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu vật liệu	3,299,389,148	16,919,523,853
Chi phí nhân công	307,527,198	7,727,121,372
Chi phí khấu hao tài sản cố định	591,621,269	2,845,170,943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19,803,805,929	80,039,335,480
Chi phí khác bằng tiền	7,276,551,465	13,181,518,607
Cộng	31,278,895,009	120,712,670,255
27. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Thuế TNDN (25%) công ty được giảm 50% thuế TNDN SXC của CN Bình Phước theo luật thuế TNDN năm 2008 đối với DN có điều kiện KT-XH khó khăn		
	Quý này	31/12/09
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22,932,739,980	95,688,602,237
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	2074812	198,929,838
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	22,934,814,792	95,887,532,075
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5,733,703,698	23,971,883,019
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung 2008		150,166,409
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% của CNBP	257,512,038	7,507,578,041
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5,476,191,660	16,614,471,387
28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế	17,456,548,320	79,074,130,850
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	8,768,175	4,806,415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,043.29	16,452.00

VII. Những thông tin khác

Lập bảng

NGUYỄN THỊ KIỀU DUNG

Kế toán trưởng

TRẦN PHÚ CƯỜNG

Bình Dương ngày 31 tháng 3 năm 2010

Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐÁ NÚI NHỎ

PHẠM TRỌNG NHÂN

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 02 tháng 6 năm 2010



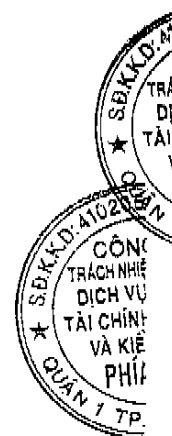
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Như Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2009

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5-6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7-9
Kết quả hoạt động kinh doanh	10-10
Lưu chuyển tiền tệ	11-11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-28

050
ĐANG
HIỆM
VỤ T
NHỊ
KIỂM
TOÁN
AN
DĨ AN
BÌNH DƯƠNG
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2009, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Xí nghiệp khai thác đá số III trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương – hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000286 ngày 14/11/2006 (lần đầu), đăng ký thay đổi (lần 2) ngày 07/12/2009 với vốn điều lệ là 87.681.750.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn của các cổ đông sáng lập:

- Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Mai Văn Chánh, Ông Phạm Trọng Nhân làm đại diện) nắm giữ 2.698.340 cổ phần tương đương 26.983,4 triệu đồng, chiếm 30,77%.
- Ông Mai Văn Chánh nắm giữ 118.340 cổ phần tương đương 1.183,4 triệu đồng, chiếm 1,35%;
- Ông Trần Minh Tâm nắm giữ 286.320 cổ phần tương đương 2.863,2 triệu đồng, chiếm 3,27%;
- Ông Nguyễn Văn Chối nắm giữ 6.620 cổ phần tương đương 66,2 triệu đồng, chiếm 0,08%;
- Ông Đoàn Văn Kinh nắm giữ 36.040 cổ phần tương đương 360,4 triệu đồng, chiếm 0,41%.

Trụ sở của Công ty : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3.751515

Fax: 0650.3.751.234

Hoạt động chính của Công ty :

- Khai thác đá;
- Khai thác đất sét
- Sản xuất ngói xi măng màu;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Cho thuê kho bãi, văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư khu du lịch sinh thái (theo quy hoạch của tỉnh). Dịch vụ cho thuê sân tập thể thao(sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, bóng đá, ten-nit, sân bowling, bể bơi).
- Khách sạn;
- Nhà hàng;
- Trồng rừng và chăm sóc cây rừng;
- Trồng cây cao su;
- Chế biến mủ cao su.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2009

Theo quy định trước đây, khi cổ phần hóa, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 02 năm tiếp theo. Căn cứ vào quy định này, tại công văn số 06/TT-NN06 ngày 25/12/2006, Công ty đăng ký thời điểm miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2007.

Trả lời công văn nêu trên, công văn số 199/CT-QL DN1 ngày 11/01/2007 của Cục thuế tỉnh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương.

Dương xác định Công ty được hưởng chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và chấp nhận thời gian đăng ký hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ 01/01/2007.

Hàng năm, khi lập Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 2007, 2008, Công ty cũng xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn 100%.

Tại công văn số 9814/CT-TT&HT ngày 18/9/2009, Cục thuế tỉnh Bình Dương một lần nữa khẳng định Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 có hiệu lực thi hành nên thuộc đối tượng được hưởng các mức ưu đãi theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập đối với hoạt động sản xuất theo điểm 1-mục IV-phần E – Thông tư số 134/2007/TT-BTC

Theo Biên bản kiểm tra thuế tháng 12/2006, năm 2007 và năm 2008 ngày 02 tháng 10 năm 2009 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Cục thuế tỉnh Bình Dương cũng đồng ý Công ty được miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp của 02 năm 2007, 2008 (năm 2007 là 6.964.403.866 đồng, năm 2008 là 18.269.359.033 đồng, không kể phần miễn thuế của Chi nhánh Bình Phước là 512.482.424 đồng).

Tuy nhiên, ngày 10/3/2010 Công ty nhận được quyết định số 1055/QĐ-CT ngày 08/3/2010 Cục thuế tỉnh Bình Dương về việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007, 2008 và năm 2009 với số tiền là 31.992.196.572 đồng (năm 2007 là 6.964.403.866 đồng, năm 2008 là 18.269.359.033 đồng và năm 2009 là 6.758.433.673 đồng) theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Do đến nay vẫn chưa hết thời hạn kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 nên Công ty sẽ kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng không giảm 50% và tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 vào chi phí của năm 2009 khi lập Báo cáo tài chính năm 2009. Riêng phần truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2007, 2008 với số tiền là 25.233.762.899 đồng chưa đều chính vào Báo cáo tài chính 2009.

Hiện nay, Công ty đang làm các thủ tục khiếu nại việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn của 02 năm 2007, 2008 cũng như phần giảm 50% của 02 năm 2009 và 2010.

Chấp hành quyết định của cơ quan thuế, Công ty sẽ phải nộp số tiền trên vào ngân sách nhà nước. Điều đó sẽ làm cho nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty (các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) giảm một khoản tương ứng và nội dung này sẽ được Công ty điều chỉnh vào Báo cáo tài chính 2010 của Công ty nếu khiếu nại của Công ty không được chấp thuận.

Hội đồng quản trị Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	03/11/2006	—
- Ông Phạm Trọng Nhân	Việt Nam	Phó Chủ tịch	03/11/2006	—
- Ông Nguyễn Văn Chối	Việt Nam	Thành Viên	03/11/2006	—
- Ông Đoàn Văn Kinh	Việt Nam	Thành Viên	03/11/2006	—
- Ông Trần Minh Tâm	Việt Nam	Thành Viên	03/11/2006	—

Ban giám đốc Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Phạm Trọng Nhân	Việt Nam	Giám đốc	03/11/2006	—
- Ông Nguyễn Văn Chối	Việt Nam	Phó Giám đốc	03/11/2006	—

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương.

Ban kiểm soát :

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	01/04/2007	-
- Bà Nguyễn Thị Kiều Dung	Việt Nam	Thành viên	03/11/2006	21/03/2010
- Bà Đào Mỹ Hạnh	Việt Nam	Thành viên	03/11/2006	-
- Ông Dương Hiến Phát	Việt Nam	Thành viên	21/03/2010	-

Kế toán trưởng

		<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
Ông Nguyễn Quốc Bình	Việt Nam	01/04/2007	30/06/2009
Ông Trần Phú Cường	Việt Nam	01/07/2009	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính

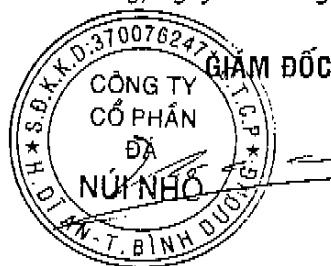
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Việc lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2010



PHẠM TRỌNG NHÂN





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38.205.944 - 38.205.917 • Fax: 38.205.942
Email: info@aascs.com.vn • Website: www.aascs.com.vn

Số: 210/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (sau đây gọi tắt là Công ty) lập ngày 06/03/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo đúng chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các báo cáo được soạn thảo phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Tuy không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi xin lưu ý đến sự kiện phát sinh sau niên độ được Công ty trình bày tại khoản 2-mục VII-Những thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính 2009. Theo đó, Cục thuế tỉnh Bình Dương đã có quyết định truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp đã được miễn của 02 năm 2007, 2008 với số tiền là 25.233.762.899 đồng. Nếu khiếu nại của Công ty không được chấp thuận, khoản nộp thuế thu

nhập doanh nghiệp bị truy thu sẽ làm cho tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty (thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) giảm một khoản tương ứng và nội dung này sẽ được Công ty điều chỉnh vào Báo cáo tài chính 2010.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2010

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS**



Đỗ Khắc Thanh

Chứng chỉ KTV số : Đ.0064/KTV

Kiểm toán viên

Lưu Vĩnh Khoa

Chứng chỉ KTV số : 0166/KTV

0066
GT
EMH
J TU
HK
EM TC
ANA
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		118.680.917.872	65.057.248.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	71.604.149.808	47.619.175.902
1. Tiền	111		6.604.149.808	29.619.175.902
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	18.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	25.000.000.000	506.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		25.000.000.000	506.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.081.788.295	11.944.785.631
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	9.938.096.808	7.566.487.542
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2.647.378.232	2.681.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1.549.091.682	1.750.076.516
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(52.778.427)	(52.778.427)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	6.293.728.236	4.543.242.388
1. Hàng tồn kho	141		6.293.728.236	4.782.588.386
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(239.345.998)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.701.251.533	444.044.863
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	302.177.579	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		414.520.600	179.045.863
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	984.553.354	264.999.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		44.128.873.513	36.582.885.738
II. Tài sản cố định	220		16.792.545.677	12.149.262.877
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	16.768.282.344	12.114.890.635
- Nguyên giá	222		23.186.984.453	16.624.855.769
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.418.702.109)	(4.509.965.134)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	24.263.333	15.781.333
- Nguyên giá	228		32.154.000	17.754.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.890.667)	(1.972.667)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	18.590.909
V. Tài sản dài hạn khác	260		27.336.327.836	24.433.622.861
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	26.932.955.124	24.093.940.577
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	403.372.712	339.682.284
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		162.809.791.385	101.640.134.522

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		32.994.545.143	15.496.922.143
I. Nợ ngắn hạn	310		32.994.545.143	15.460.110.399
2. Phải trả cho người bán	312	V.14	7.917.904.399	6.923.960.990
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	1.831.553.486	439.616.984
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	18.142.229.386	766.528.355
5. Phải trả người lao động	315	V.17	3.581.732.000	3.013.698.000
6. Chi phí phải trả	316	V.18	403.372.712	339.682.284
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	1.117.753.160	3.976.623.786
II. Nợ dài hạn	330		-	36.811.744
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	36.811.744
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.20	129.815.246.242	86.143.212.379
I. Vốn chủ sở hữu	410		127.816.375.567	84.312.174.059
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		87.681.750.000	38.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(13.489.500.000)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		14.617.192.807	6.754.924.455
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.286.150.404	3.355.016.228
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		579.195.670	69.337.166
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.141.586.686	36.132.896.210
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.998.870.675	1.831.038.320
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.998.870.675	1.831.038.320
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		162.809.791.385	101.640.134.522

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

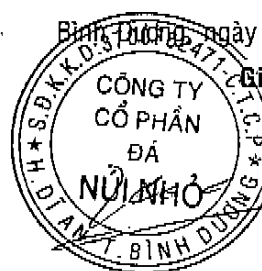
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: đồng	
			Số đầu năm	Số cuối năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	V.1	102,48	100,89	
6. Hạn mức kinh phí còn lại		-	-	-

Kế toán trưởng

TRẦN PHÚ CƯỜNG



Bình Dương, ngày 06 tháng 03 năm 2010

Giám đốc

PHẠM TRỌNG NHÂN

 0201
 CÔNG
 CH NHIE
 CH VỤ
 CHÍNH
 VÀ KIẾ
 PHÍA
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2009**

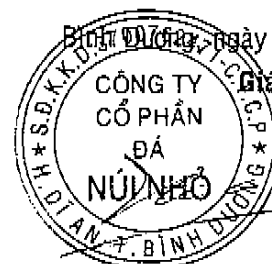
Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	214.822.390.449	167.939.041.487
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		214.822.390.449	167.939.041.487
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	120.784.752.213	101.760.355.961
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.037.638.236	66.178.685.526
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.452.071.739	3.922.200.789
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	2.835.271.873	2.471.191.604
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	4.348.654.513	5.240.850.218
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		91.305.783.589	62.388.844.493
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.658.563.722	5.563.731.551.00
12. Chi phí khác	32	VI.7	275.745.074	624.554.751.00
13. Lợi nhuận khác	40		4.382.818.648	4.939.176.800
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		95.688.602.237	67.328.021.293
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	16.614.471.387	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		79.074.130.850	67.328.021.293
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	16.452	17.718

Kế toán trưởng

TRẦN PHÚ CƯỜNG

Bình Dương, ngày 06 tháng 03 năm 2010



Giám đốc

PHẠM TRỌNG NHÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Năm 2009****(Phương pháp trực tiếp)**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
1- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	230.817.999.503	177.178.277.958
2- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(125.047.606.144)	(106.318.529.848)
3- Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.948.683.784)	(6.205.814.000)
5- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(150.166.409)	-
6- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.279.437.157	6.550.751.731
7- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(19.463.707.532)	(9.570.243.901)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	79.487.272.791	61.634.441.943
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.390.516.871)	(10.920.726.877)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22 VI.6	2.220.952.381	1.731.831.997
3- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.000.000.000)	(128.500.000.000)
4- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	141.500.000.000
5- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25 V.2	-	(506.000.000)
7- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.361.999.291	3.597.874.122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.807.565.199)	6.902.979.242
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
2- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32 V.20	(13.489.500.000)	-
6- Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 V.20	(17.202.324.404)	(35.766.375.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.691.824.404)	(35.766.375.537)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	23.987.883.188	32.771.045.648
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 V.1	47.619.175.902	14.848.043.186
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	156.395	87.068
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	71.607.215.485	47.619.175.902

Kế toán trưởng

TRẦN PHÚ CƯỜNG



Bình Dương, ngày 06 tháng 03 năm 2010
 Giám đốc

PHẠM TRỌNG NHÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty**1. Hình thức sở hữu vốn**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2009, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Xí nghiệp khai thác đá số III trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương – hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000286 ngày 14/11/2006 (lần đầu), đăng ký thay đổi (lần 2) ngày 07/12/2009 với vốn điều lệ là 87.681.750.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn của các cổ đông sáng lập là:

- Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Mai Văn Chánh, Ông Phạm Trọng Nhân làm đại diện) nắm giữ 2.698.340 cổ phần tương đương 26.983,4 triệu đồng, chiếm 30,77%.
- Ông Mai Văn Chánh nắm giữ 118.340 cổ phần tương đương 1.183,4 triệu đồng, chiếm 1,35%;
- Ông Trần Minh Tâm nắm giữ 286.320 cổ phần tương đương 2.863,2 triệu đồng, chiếm 3,27%;
- Ông Nguyễn Văn Chối nắm giữ 6.620 cổ phần tương đương 66,2 triệu đồng, chiếm 0,08%;
- Ông Đoàn Văn Kinh nắm giữ 36.040 cổ phần tương đương 360,4 triệu đồng, chiếm 0,41%.

Ngành, nghề kinh doanh : Khai thác đá, đất sét; sản xuất ngói xi măng màu; Mua bán vật liệu xây dựng.

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần.

2 Lĩnh vực kinh doanh

- Khai thác đá;
- Khai thác đất sét
- Sản xuất ngói xi măng màu;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Cho thuê kho bãi, văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư khu du lịch sinh thái (theo quy hoạch của tỉnh). Dịch vụ cho thuê sân tập thể thao (sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, bóng đá, ten-nit, sân bowling, bể bơi).
- Khách sạn;
- Nhà hàng;
- Trồng rừng và chăm sóc cây rừng;
- Trồng cây cao su;
- Chế biến mủ cao su.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, DT An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc vào ngày 31/12/2007.

Các niên độ kế toán tiếp theo bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng :**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nợ phải thu, nợ phải trả dài hạn tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn đến hạn trả trong năm tài chính. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, nợ phải thu, nợ phải trả ngắn hạn tại thời

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

diềm cuối năm được ghi nhận vào khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá trên chi phí thực tế phát sinh.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, DT An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

diểm lập Báo cáo tài chính.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.**4.3. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:**

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 8 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
- Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
- Phương tiện vận tải	3 - 4 năm

5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác**5.1. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:** Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

5.2. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**5.2.1. Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.**5.2.2. Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.**5.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, DT An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

7. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Khi lập BCTC 6 tháng đầu năm 2009, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận cho các quỹ theo điều lệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	159.607.663	163.538.656
Tiền gửi ngân hàng(*)	6.444.542.145	29.455.637.246
Các khoản tương đương tiền(**)	65.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	71.604.149.808	47.619.175.902
(*) Gồm các khoản chi tiết sau:		
+ Tiền gửi VND	6.442.649.852	29.453.901.348
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN Nam Bình Dương	3.764.367.675	29.132.133.645
Ngân hàng khác	2.678.282.177	321.767.703
+ Tiền gửi USD	1.892.293	1.735.898
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN Nam Bình Dương	102,48 USD # 1.892.293	100,89 USD # 1.735.898

(**) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại NH TMCP Phương Đông CN Bình Dương

2. Đầu tư ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
10.000 cổ phiếu Công ty Đá Núi Nhỏ (*)	-	506.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại CN NH ĐT và PT CN Nam Bình Dương	25.000.000.000	-
Cộng	25.000.000.000	506.000.000

3. Phải thu của khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
DNTN Điện Phát	389.961.533	784.164.749
Công ty cổ phần gạch ngói Nhị Hiệp	2.350.206.169	324.839.603
Công ty vật liệu xây dựng Bình Dương	2.365.454.773	3.735.091.647
Công ty TNHH KS&XD Trung Thắng	3.734.419.124	2.508.015.108
DNTN Hải Hậu	-	54.003.930
Công ty CP Phát triển đô thị (UDJ) (*)	395.739.341	-
Công ty Công trình giao thông ĐT & QLN Thủ Đức	259.489.125	-
Công ty TNHH MTV Thiên An(*)	160.571.646	-
Đối tượng khác	282.255.097	160.372.505
Cộng	9.938.096.808	7.566.487.542

(*) Chưa được đối chiếu xác nhận nợ tại ngày 31/12/2009

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

4. Trả trước cho người bán		Cuối năm	Đầu năm
Công ty vật liệu xây dựng Bình Dương		2.201.000.000	-
Công ty CP Phước Ngọc Linh		360.000.000	-
Xí nghiệp cơ khí Bình An		-	2.600.000.000
Công ty TNHH Kỹ Thuật điện tự động Nhất Tâm		-	59.000.000
Đối tượng khác		86.378.232	22.000.000
Cộng		2.647.378.232	2.681.000.000
Tỷ lệ đối chiếu xác nhận nợ tại 31/12/2009 đạt 100%			
5. Các khoản phải thu khác		Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân		116.548.000	318.474.684
Đất Tân Ba		196.333.210	196.333.210
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn		1.236.210.472	489.326.666
Khoản tiền gửi tại công ty chứng khoán Bảo Việt		-	745.929.856
Phải thu khác		-	12.106
Cộng		1.549.091.682	1.750.076.516
6. Dự phòng phải thu khó đòi		Cuối năm	Đầu năm
Công ty công trình giao thông công chánh Tp.HCM		(52.778.427)	(52.778.427)
Cộng		(52.778.427)	(52.778.427)
7. Hàng tồn kho		Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu		1.559.300.909	399.060.738
Công cụ dụng cụ		3.210.267	5.128.120
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		395.833.194	185.347.765
Thành phẩm tồn kho		4.335.383.866	4.193.051.763
Hàng hóa tồn kho		-	-
Cộng		6.293.728.236	4.782.588.386
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(239.345.998)
		6.293.728.236	4.543.242.388
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ			
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		Cuối năm	Đầu năm
Chi phí dây cáp điện Cadivi		78.106.275	-
Chi phí di dời đường dây trung thế và TBT 1x400kva		129.166.667	-
Chi phí đo vẽ lập bản đồ địa chính		94.904.637	-
Cộng		302.177.579	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

9. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	360.725.000	264.999.000
Đặt cọc tiền mua đất	600.000.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	23.828.354	-
Cộng	984.553.354	264.999.000

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện Vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.995.738.432	8.031.338.895	380.539.467	1.217.238.975	16.624.855.769
Tăng trong năm	39.911.309	6.911.012.773	333.704.676	651.539.600	7.936.168.358
Giảm trong năm	185.479.068	1.175.060.606	-	13.500.000	1.374.039.674
Số cuối năm	6.850.170.673	13.767.291.062	714.244.143	1.855.278.575	23.186.984.453
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.313.384.284	2.590.550.817	232.377.959	373.652.074	4.509.965.134
Tăng trong năm	873.779.108	1.759.069.408	84.415.397	255.684.890	2.972.948.803
Giảm trong năm	21.393.095	1.030.081.233	-	12.737.500	1.064.211.828
Số cuối năm	2.165.770.297	3.319.538.992	316.793.356	616.599.464	6.418.702.109
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.682.354.148	5.440.788.078	148.161.508	843.586.901	12.114.890.635
Số cuối năm	4.684.400.376	10.447.752.070	397.450.787	1.238.679.111	16.768.282.344

(*) Quyền sử dụng đất của Công ty chủ yếu là đất của khu vực mỏ được sử dụng để khai thác mỏ đá nên được trình bày vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	17.754.000	-	17.754.000
Tăng trong năm	-	-	14.400.000	-	14.400.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	32.154.000	-	32.154.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	-	1.972.667	-	1.972.667
Tăng trong năm	-	-	5.918.000	-	5.918.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	7.890.667	-	7.890.667
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	15.781.333	-	15.781.333
Số cuối năm	-	-	24.263.333	-	24.263.333

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

		Cuối năm	Đầu năm
12. Chi phí trả trước dài hạn			
Chi phí đền bù về đất khu vực khai thác		10.165.894.465	11.132.230.914
Hệ thống máy chấm công		-	11.869.018
Sửa chữa đường vào núi		2.198.227.285	1.596.221.890
Lợi thế thương mại		6.895.783.509	8.656.409.085
Khác		7.673.049.865	2.697.209.670
Cộng		26.932.955.124	24.093.940.577
13. Tài sản dài hạn khác			
Ký quỹ phục hồi môi trường		403.372.712	339.682.284
Cộng		403.372.712	339.682.284
14. Phải trả cho người bán			
DNTN Hà Tiên		2.375.540.486	2.348.125.240
Công ty TNHH KS&XD Trung Thăng		1.405.542.094	366.964.972
DNTN Sơn Thái		1.115.029.490	-
XN Tư Doanh cơ khí Bình An		261.809.405	-
Công ty TNHH MTV Phát An		252.725.205	-
Công ty TNHH Quyển Linh		352.463.065	-
Điện cơ Công Tài		250.000.000	-
Công ty TNHH SX TM DV Phước Minh Tùng		161.864.552	-
DNTN Bảo Hưng		177.148.472	-
Công ty TNHH TM VT Tuấn Phước		153.876.510	-
Công ty Đức Vũ		368.780.785	284.305.476
Công ty vật liệu xây dựng Bình Dương		-	1.279.992.000
XN Vận tải và KD tổng hợp HDP		-	2.512.573.293
Đối tượng khác		1.043.124.335	132.000.000
Cộng		7.917.904.399	6.923.960.990
Tỉ lệ đối chiếu xác nhận nợ tại 31/12/2009 đạt 100%			
15. Người mua trả tiền trước			
Công ty quản lý và phát triển đô thị Quận 9		145.511.600	144.430.469
Công ty TNHH Gia Phú		33.575.833	67.480.645
XNXD Phía Nam-Công ty Lũng Lô 2		7.416.284	46.517.074
Công ty TNHH XD&CD Đại Việt		648.469.215	-
Công ty XD Vĩnh Phát		121.569.153	-
Công ty TNHH TMDV SX Đông Nam Phong		61.521.563	-
Công ty CP Đầu tư và XD Tây Hồ(*)		259.617.030	-
Công ty TNHH Bến Ván(*)		104.638.037	-
Công ty TNHH Mong Dung(*)		167.660.392	-
Đối tượng khác(*)		281.574.379	181.188.796
Cộng		1.831.553.486	439.616.984

(*) Chưa được đối chiếu xác nhận nợ tại 31/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT phải nộp tại văn phòng công ty	1.197.227.508	181.237.071
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.464.304.978	-
Thuế thu nhập cá nhân	122.481.000	318.474.684
Thuế tài nguyên	252.636.900	177.561.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	105.579.000	89.255.000
Cộng	18.142.229.386	766.528.355

17. Phải trả người lao động

	Cuối năm	Đầu năm
Lương phải trả cho người lao động đã hạch toán vào chi phí	1.471.623.000	1.472.210.000
Tiền thưởng hoàn thành kế hoạch được trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi	2.110.109.000	1.096.548.000
Tiền thưởng, thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát	-	444.940.000
Cộng	3.581.732.000	3.013.698.000

18. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả khoản tiền ký quỹ phục hồi môi trường	403.372.712	339.682.284
Cộng	403.372.712	339.682.284

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	2.406.042.516
Kinh phí công đoàn	116.610.160	101.830.150
Bảo hiểm xã hội	-	-
Khoản tiền do công ty VLXDBD chỉ cho người lao động làm việc tại xí nghiệp trước thời điểm cổ phần hóa	-	333.943.000
Tiền cọc thuê mặt bằng, thế chấp	200.000.000	200.000.000
Các khoản khác	801.143.000	934.808.120
Cộng	1.117.753.160	3.976.623.786

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Năm trước					
Số dư đầu năm trước	38.000.000.000	1.916.818.026	935.963.013	236.915.879	7.001.659.226
- Tăng vốn trong năm trước					
- Lợi nhuận sau thuế tăng năm trước					67.328.021.293
- Phân phối lợi nhuận năm trước					38.196.784.309
+ Phân phối cho quỹ CSH		4.838.106.429	2.419.053.215	871.744.286	8.128.903.930
+ Cổ tức phải trả cho cổ đông					27.648.827.164
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi					2.419.053.215
- Giảm năm trước				1.039.323.000	
Số dư cuối năm trước	38.000.000.000	6.754.924.455	3.355.016.228	69.337.165	36.132.896.210
Năm nay					
Số dư đầu năm nay	38.000.000.000	6.754.924.455	3.355.016.228	69.337.165	36.132.896.210
- Tăng vốn trong năm nay	49.681.750.000				
- Lợi nhuận sau thuế tăng năm nay					79.074.130.850
- Phân phối lợi nhuận năm nay					84.065.440.374
+ Phân phối cho quỹ CSH		7.862.268.352	3.931.134.176	1.572.453.670	13.365.856.198
+ Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế					49.681.750.000
+ Cổ tức đã trả cho cổ đông					17.086.700.000
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi					3.931.134.176
+ Các khoản khác (Thù lao HĐQT, BKS, thưởng ban điều hành)				1.062.595.166	
- Giảm năm nay					
Số dư cuối năm nay	87.681.750.000	14.617.192.807	7.286.150.403	579.195.670	31.141.586.686

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
-Vốn đầu tư của nhà nước	26.983.400.000	26.983.400.000	11.400.000.000	11.400.000.000
-Vốn góp của cổ đông khác	60.698.350.000	60.698.350.000	26.600.000.000	26.600.000.000
Cộng	87.681.750.000	87.681.750.000	38.000.000.000	38.000.000.000

Công ty không phát hành trái phiếu.

Cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2009 : 224.825 cổ phần # 13.489.500.000 đồng

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận :

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	49.681.750.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	87.681.750.000	38.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.202.324.404	35.640.200.000

Cổ phiếu :	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.7681.750 cổ phần	3.800.000 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.7681.750 cổ phần	3.800.000 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	8.7681.750 cổ phần	3.800.000 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.456.925 cổ phần	3.800.000 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	87.456.925 cổ phần	3.800.000 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đ/cổ phần		

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	207.838.800.387	162.436.007.876
Doanh thu bán hàng hóa	1.045.492.127	1.227.157.765
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.938.097.935	4.275.875.846
Cộng	214.822.390.449	167.939.041.487

Trong năm đơn vị không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Năm nay	Năm trước
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn sản xuất chính	116.046.974.884	98.006.128.893
Giá vốn hoạt động khác	4.737.777.329	3.754.227.068
Cộng	120.784.752.213	101.760.355.961
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	4.451.915.344	3.922.113.727
Chênh lệch tỷ giá	156.395	87.064.289
Cộng	4.452.071.739	3.922.200.789
4. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	1.129.873.132	868.951.398
Chi phí vật liệu bao bì		
Chi phí dụng cụ đồ dùng		
Chi phí khấu hao TSCĐ	57.027.095	83.908.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.438.090.320	1.120.855.854
Chi phí bằng tiền khác	210.281.326	397.476.358
Cộng	2.835.271.873	2.471.191.604
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	2.275.412.634	3.350.981.149
Chi phí vật liệu quản lý	5.449.741	164.177.220
Chi phí đồ dùng văn phòng	362.786.767	165.404.044
Chi phí khấu hao TSCĐ	320.418.012	281.571.283
Thuế, phí và lệ phí	27.641.366	8.604.314
Chi phí dự phòng	172.102.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	330.384.427	299.356.279
Chi phí bằng tiền khác	854.459.566	970.755.929
Cộng	4.348.654.513	5.240.850.218
6. Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ	2.220.952.381	1.634.285.715
Xử lý hàng thừa	2.406.042.516	3.831.899.554
Thu nhập khác	31.568.825	97.546.282
Cộng	4.658.563.722	5.563.731.551
7. Chi phí khác		
Thanh lý TSCĐ	193.464.937	624.554.751
Chi phí khác	82.280.137	
	275.745.074	624.554.751

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu vật liệu	16.919.523.853	14.925.955.509
Chi phí nhân công	7.727.121.372	6.631.073.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.845.170.943	2.076.676.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.039.335.480	68.807.204.064
Chi phí khác bằng tiền	13.181.518.607	10.649.510.968
Cộng	120.712.670.255	103.090.420.895
9. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95.688.602.237	67.328.021.293
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	198.929.838	544.167.696
Chênh lệch vĩnh viễn : Tăng (+), Giảm (-)	135.239.410	204.485.412
+ Thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính từ nguồn quỹ phúc lợi	-	204.485.412
+CP không có đủ hóa đơn chứng từ để xác định chi phí được trừ	56.232.000	-
+ Các khoản phạt	79.007.410	-
Chênh lệch tạm thời : Tăng (+), Giảm (-)	63.690.428	339.682.284
+ CP trích trước phục hồi môi trường	63.690.428	339.682.284
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	95.887.532.075	67.872.188.989
Thuế TNDN theo suất suất 28%	-	19.004.212.917
Thuế TNDN theo suất suất 25%	23.971.883.019	-
Thuế TNDN được giảm 50% của Chi nhánh Bình Phước	(451.447.336)	-
Thuế TNDN được giảm theo nghị quyết số 30/2008/NQ-CP (giảm 30%)	(7.056.130.705)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009	16.464.304.978	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của năm 2008	150.166.409	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	-	(19.004.212.917)
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.614.471.387	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau, cũng như chế độ hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế phải nộp được trình bày trên Báo cáo tài chính 2009 có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế	79.074.130.850	67.328.021.293
Số cổ phiếu lưu hành bình quân(*)	4.806.415	3.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.452	17.718

(*)	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	<u>Số ngày lưu hành</u>	<u>Số cổ phiếu bình quân lưu hành 2009</u>
- Số đầu kỳ	3.800.000	365	3.800.000
- PS tăng trong kỳ	4.968.175		1.101.273
	696.500	295	562.925
	4.271.675	46	538.348
- PS giảm trong kỳ	224.825	-	94.858
	224.825	154	94.858
			4.806.415

VII. Những thông tin khác**1. Giao dịch với bên liên quan**

Bên liên quan với Công ty gồm :

Bên liên quan**Mối quan hệ với Công ty**

Công ty Vật liệu Xây dựng Bình Dương Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung giao dịch với Bên liên quan</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty Vật liệu Xây dựng Bình Dương	Phải trả tiền thi công đường từ QL 1K vào KV3	1.539.879.909
	Trả trước tiền thi công đường tại Bình Phước	2.201.000.000
	Đã trả tiền thi công VP làm việc tại Bình Phước	1.279.992.000
	Đã trả tiền thi công đường từ QL 1K vào KV3	1.539.879.909
	Phải thu tiền bán sản phẩm	31.625.186.122
	Đã thu tiền bán sản phẩm	32.994.822.996

Tại ngày kết thúc năm tài chính (31/12/2009), công nợ với Bên liên quan như sau :

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung công nợ với Bên liên quan</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty Vật liệu Xây dựng Bình Dương	Trả trước tiền thi công đường tại Bình Phước	2.201.000.000
	Phải thu tiền bán sản phẩm	2.365.454.773

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

2. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2009 :

Theo quy định trước đây, khi cổ phần hóa, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 02 năm tiếp theo. Căn cứ vào quy định này, tại công văn số 06/TT-NN06 ngày 25/12/2006, Công ty đăng ký thời điểm miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2007.

Trả lời công văn nêu trên, công văn số 199/CT-QL DN1 ngày 11/01/2007 của Cục thuế tỉnh Bình Dương xác định Công ty được hưởng chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và chấp nhận thời gian đăng ký hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ 01/01/2007.

Hàng năm, khi lập Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 2007, 2008, Công ty cũng xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn 100%.

Tại công văn số 9814/CT-TT&HT ngày 18/9/2009, Cục thuế tỉnh Bình Dương một lần nữa khẳng định Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 có hiệu lực thi hành nên thuộc đối tượng được hưởng các mức ưu đãi theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập đối với hoạt động sản xuất theo điểm 1-mục IV-phần E – Thông tư số 134/2007/TT-BTC

Theo Biên bản kiểm tra thuế tháng 12/2006, năm 2007 và năm 2008 ngày 02 tháng 10 năm 2009 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Cục thuế tỉnh Bình Dương cũng đồng ý Công ty được miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp của 02 năm 2007, 2008 (năm 2007 là 6.964.403.866 đồng, năm 2008 là 18.269.359.033 đồng, không kể phần miễn thuế của Chi nhánh Bình Phước là 512.482.424 đồng).

Tuy nhiên, ngày 10/3/2010 Công ty nhận được quyết định số 1055/QĐ-CT ngày 08/3/2010 Cục thuế tỉnh Bình Dương về việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007, 2008 và năm 2009 với số tiền là 31.992.196.572 đồng (năm 2007 là 6.964.403.866 đồng, năm 2008 là 18.269.359.033 đồng và năm 2009 là 6.758.433.673 đồng) theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Do đến nay vẫn chưa hết thời hạn kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 nên Công ty sẽ kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng không giảm 50% và tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 vào chi phí của năm 2009 khi lập Báo cáo tài chính năm 2009. Riêng phần truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2007, 2008 với số tiền là 25.233.762.899 đồng chưa điều chỉnh vào Báo cáo tài chính 2009.

Hiện nay, Công ty đang làm các thủ tục khiếu nại việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn của 02 năm 2007, 2008 cũng như phần giảm 50% của 02 năm 2009 và 2010.

Chấp hành quyết định của cơ quan thuế, Công ty sẽ phải nộp số tiền trên vào ngân sách nhà nước. Điều đó sẽ làm cho nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty (các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) giảm một khoản tương ứng và nội dung này sẽ được Công ty điều chỉnh vào Báo cáo tài chính 2010 của Công ty nếu khiếu nại của Công ty không được chấp thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

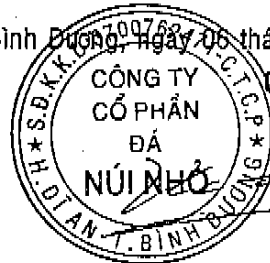
3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán.

Kế toán trưởng

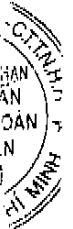
TRẦN PHÚ CƯỜNG

Bình Dương, ngày 06 tháng 03 năm 2010



Giám đốc

PHẠM TRỌNG NHÂN



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 02 tháng 6 năm 2009.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Khắc Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2008

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ
Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4-4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5-7
Kết quả hoạt động kinh doanh	8-8
Lưu chuyển tiền tệ	9-9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-24

002
CỔ
HÀCH
DỊCH
SÁCH
VÀ
F
/

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2008, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Xi nghiệp khai thác đá số III trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương – hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000286 ngày 14/11/2006 (lần đầu) với vốn điều lệ là 38.000.000.000 đồng, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 11/01/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn của các cổ đông sáng lập:

- Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Mai Văn Chánh, Ông Phạm Trọng Nhân làm đại diện) nắm giữ 1.938.000 cổ phần tương đương 19.380 triệu đồng, chiếm 51%; ngày 02/02/2008, Công ty Vật liệu xây dựng Bình Dương bán đấu giá 21%, Cổ phần nhà nước nắm giữ tại thời điểm 30/06/2009 là 1.140.000 Cổ phần, chiếm 30%.
- Ông Mai Văn Chánh nắm giữ 50.000 cổ phần tương đương 500 triệu đồng, chiếm 1,32%;
- Ông Trần Minh Tâm nắm giữ 120.970 cổ phần tương đương 1.209,7 triệu đồng, chiếm 3,18%;
- Ông Nguyễn Văn Chối nắm giữ 2.800 cổ phần tương đương 28 triệu đồng, chiếm 0,07%;
- Ông Đoàn Văn Kinh nắm giữ 15.230 cổ phần tương đương 152,3 triệu đồng, chiếm 0,4%.

Trụ sở của Công ty : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3.751515 **Fax:** 0650.3.751.234

Hoạt động chính của Công ty :

- Khai thác đá;
- Khai thác đất sét
- Sản xuất ngói xi măng màu;
- Mua bán vật liệu xây dựng;

Các sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố thêm trên Báo cáo tài chính ;

Hội đồng quản trị Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	03/11/2006	-
- Ông Phạm Trọng Nhân	Việt Nam	Phó Chủ tịch	03/11/2006	-
- Ông Nguyễn Văn Chối	Việt Nam	Thành Viên	03/11/2006	-
- Ông Đoàn Văn Kinh	Việt Nam	Thành Viên	03/11/2006	-
- Ông Trần Minh Tâm	Việt Nam	Thành Viên	03/11/2006	-

Ban giám đốc Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Phạm Trọng Nhân	Việt Nam	Giám đốc	03/11/2006	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương.

- Ông Nguyễn Văn Chối	Việt Nam	Phó Giám đốc	03/11/2006	-
Ban kiểm soát :				
<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Quốc Bình	Việt Nam	Trưởng ban	03/11/2006	01/04/2007
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	01/04/2007	-
- Bà Nguyễn Thị Kiều Dung	Việt Nam	Thành viên	03/11/2006	-
- Bà Đào Mỹ Hạnh	Việt Nam	Thành viên	03/11/2006	-

Kế toán trưởng		<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
Ông Nguyễn Thành Tài	Việt Nam	03/11/2006	01/04/2007
Ông Nguyễn Quốc Bình	Việt Nam	01/04/2007	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính

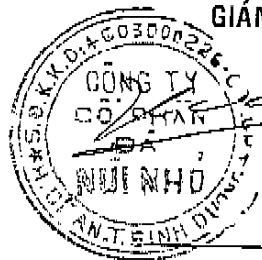
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Việc lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 09 tháng 4 năm 2009

GIÁM ĐỐC**PHẠM TRỌNG NHÂN**



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL
CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 38.205.944 - 38.205.947 • Fax: 38.205.942
Email: info@aascs.com.vn • Website: www.aascs.com.vn

Số: 594/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (sau đây gọi tắt là Công ty) lập ngày 09/04/2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo đúng chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các báo cáo được soạn thảo phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2009

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS**



Đỗ Khắc Thanh

Chứng chỉ KTV số : Đ.0064/KTV

Kiểm toán viên

Lưu Vinh Khca

Chứng chỉ KTV số : 0166/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		65,057,248,784	38,167,785,161
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	47,619,175,902	14,848,043,186
1. Tiền	111		29,619,175,902	14,848,043,186
2. Các khoản tương đương tiền	112		18,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	506,000,000	13,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		506,000,000	13,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11,944,785,631	8,388,302,260
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	7,566,487,542	7,436,209,776
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2,681,000,000	582,191,000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1,750,076,516	396,290,698
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(52,778,427)	(26,389,214)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	4,543,242,388	1,876,757,715
1. Hàng tồn kho	141		4,782,588,386	2,642,922,204
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(239,345,998)	(766,164,489)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.8	444,044,863	54,682,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		179,045,863	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		264,999,000	54,682,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		36,582,885,738	26,855,131,299
II. Tài sản cố định	220		12,149,262,877	11,906,772,933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12,114,890,635	11,662,217,784
- Nguyên giá	222		16,624,855,769	13,761,560,236
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,509,965,134)	(2,099,342,452)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15,781,333	-
- Nguyên giá	228		17,754,000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,972,667)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	18,590,909	244,555,149
V. Tài sản dài hạn khác	260		24,433,622,861	14,948,358,366
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	24,093,940,577	14,948,358,366
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	339,682,284	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		101,640,134,522	65,022,916,460

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		15,496,922,143	15,766,453,342
I. Nợ ngắn hạn	310		15,460,110,399	15,759,383,487
2. Phải trả cho người bán	312	V.14	6,923,960,990	2,845,109,607
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	439,616,984	701,517,889
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	766,528,355	152,187,849
5. Phải trả người lao động	315	V.17	3,013,698,000	
6. Chi phí phải trả	316	V.18	339,682,284	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	3,976,623,786	12,060,568,142
II. Nợ dài hạn	330		36,811,744	7,069,855
6. Dự phòng trợ cấp mất Vệc làm	336		36,811,744	7,069,855
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.20	86,143,212,379	49,256,463,118
I. Vốn chủ sở hữu	410		84,312,174,059	48,091,356,145
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		38,000,000,000	38,000,000,000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6,754,924,455	1,916,818,026
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,355,016,228	935,963,012
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		69,337,166	236,915,880
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		36,132,896,210	7,001,659,226
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1,831,038,320	1,165,106,973
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1,831,038,320	1,165,106,973
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		101,640,134,522	65,022,916,460

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		100.89	100.89
6. Hạn mức kinh phí còn lại		-	-

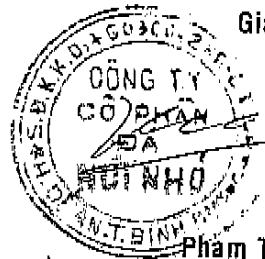
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Bình

Bình Dương ngày 09 tháng 04 năm 2009

Giám đốc



Phạm Trọng Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	167,939,041,487	130,829,673,240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		167,939,041,487	130,829,673,240
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	101,760,355,961	97,310,372,336
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66,178,685,526	33,519,300,904
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	3,922,200,789	473,462,901
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.24	2,471,191,604	1,500,497,089
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.25	5,240,850,218	4,918,996,414
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62,388,844,493	27,573,270,302
11. Thu nhập khác	31	VI.26	5,563,731,551	1,190,476,190.00
12. Chi phí khác	32	VI.27	624,554,751	2,141,273,914.00
13. Lợi nhuận khác	40		4,939,176,800	(950,797,724)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67,328,021,293	26,622,472,578
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	-	452,633,096
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67,328,021,293	26,169,839,482
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	17,717.90	6,886.80

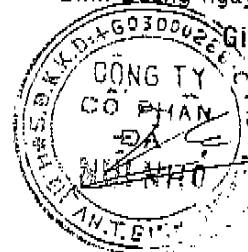
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Bình

Bình Dương ngày 09 tháng 04 năm 2009

Giám đốc



Phạm Trọng Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2008

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		177,178,277,985	131,508,501,833
2- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(106,318,529,841)	(78,457,823,168)
3- Tiền chi trả cho người lao động	03		(6,205,814,000)	(5,487,060,819)
4- Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(452,633,096)
6- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6,550,751,731	4,696,031,044
7- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(9,570,243,901)	(16,683,321,812)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		61,634,441,940	35,123,693,981
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10,920,726,871)	(892,045,281)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1,731,831,997	1,250,000,000
3- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(128,500,000,000)	(17,000,000,000)
4- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		141,500,000,000	4,000,000,000
5- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(506,000,000)	-
7- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,597,874,122	308,461,420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6,902,979,242	(12,333,583,861)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
6- Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35,766,375,537)	(7,942,078,435)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35,766,375,537)	(7,942,078,435)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		32,771,045,645	14,848,031,685
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14,848,043,186	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		87,068	11,501
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		47,619,175,902	14,848,043,186

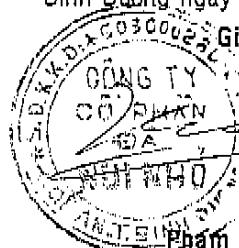
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Bình

Bình Dương ngày 09 tháng 04 năm 2009

Giám đốc



Phạm Trọng Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, DT An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Xí nghiệp khai thác đá số III trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000286 ngày 14/11/2006 (lần đầu) với vốn điều lệ là 38.000.000.000 đồng, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 11/01/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn của các cổ đông sáng lập là:

- Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Mai Văn Chánh, Ông Phạm Trọng Nhân làm đại diện) nắm giữ 1.938.000 cổ phần tương đương 19.380 triệu đồng, chiếm 51%; ngày 02/02/2008, Công ty Vật liệu xây dựng Bình Dương bán đấu giá 21%, Cổ phần nhà nước nắm giữ tại thời điểm 30/06/2009 là 1.140.000 Cổ phần, chiếm 30%.
- Ông Mai Văn Chánh nắm giữ 50.000 cổ phần tương đương 500 triệu đồng, chiếm 1,32%;
- Ông Trần Minh Tâm nắm giữ 120.970 cổ phần tương đương 1.209,7 triệu đồng, chiếm 3,18%;
- Ông Nguyễn Văn Chối nắm giữ 2.800 cổ phần tương đương 28 triệu đồng, chiếm 0,07%;
- Ông Đoàn Văn Kinh nắm giữ 15.230 cổ phần tương đương 152,3 triệu đồng, chiếm 0,4%.

Ngành, nghề kinh doanh : Khai thác đá, đất sét; sản xuất ngói xi măng màu; Mua bán vật liệu xây dựng.

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là khai thác đá xây dựng, cát xây dựng

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc vào ngày 31/12/2007.

Các niên độ kế toán tiếp theo bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng :**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, DT An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá trên chi phí thực tế phát sinh.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, DT An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

4.3. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 8 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
- Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
- Phương tiện vận tải	3 - 4 năm

5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

5.1. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

5.2. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

5.2.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.2.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

7. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Khi lập BCTC 2008, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận theo điều lệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Xã Bình An, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

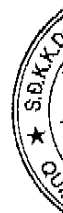
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



35066
CÔNG TY
CHIỂM HỒ
VỤ TƯ
NH KẾ
KIỂM TO
ĐÀ NẴNG
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán và Kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2008	31/12/2007
Tiền mặt tại quỹ	163,538,656	496,799,081
Tiền gửi ngân hàng(*)	29,455,637,246	14,351,244,105
Các khoản tương đương tiền(**)	18,000,000,000	-
Cộng	47,619,175,902	14,848,043,186
(*) Gồm các khoản chi tiết sau:		
+ Tiền gửi VND	29,455,637,246	
Ngân hàng DT và PT Việt Nam - CN Thuận An	29,132,133,645	14,341,890,292
(Trong đó, có 339.682.284 VND tiền ký quỹ-phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản)		
Ngân hàng khác	321,767,703	7,728,072
+ Tiền gửi USD	1,735,898	1,625,741
Ngân hàng DT và PT Việt Nam - CN Thuận An 100,89 USD#	1,735,898	100,89 USD# 1,625,741

(**) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại NH TMCP Phương Đông CN Bình Dương

2. Đầu tư ngắn hạn	31/12/2008	31/12/2007
10,000 cổ phiếu Công ty Đá Núi Nhỏ (*)	506,000,000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	13,000,000,000
Cộng	506,000,000	13,000,000,000

(*) Cổ phiếu mua từ quỹ phúc lợi :

	Số lượng	Đơn giá mua	Giá trị
	3,000	52,000	156,000,000
	7,000	50,000	350,000,000
Cộng	10,000	50,600	506,000,000

Theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Công ty đã sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi chưa sử dụng để mua cổ phần của Công ty CP Đá Núi Nhỏ. Cổ tức của cổ phiếu này (nếu có) sẽ được ghi nhận vào quỹ phúc lợi nhằm chăm lo cho đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV của Công ty.

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2008	31/12/2007
DNTN Điện Phát	784,164,749	1,717,402,701
Công ty cổ phần gạch ngói Nhị Hiệp	324,839,603	350,974,270
Công ty vật liệu xây dựng Bình Dương	3,735,091,647	3,159,303,607
Công ty TNHH KS&XD Trung Thắng	2,508,015,108	-
DNTN Hải Hậu	54,003,930	370,668,350
DNTN Song Vũ	-	246,692,721
Xí nghiệp cát Tân Ba	-	720,650,381
Đối tượng khác (*)	160,372,505	870,517,746
Cộng	7,566,487,542	7,436,209,776

(*) Chưa được xác nhận nợ tại ngày 31/12/2008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	31/12/2008	31/12/2007
4. Trả trước cho người bán		
Xí nghiệp cơ khí Bình An	2,600,000,000	-
Công ty TNHH Kỹ Thuật điện tử động Nhất Tâm	59,000,000	-
Công ty TNHH Thành Tân Thuận	-	300,000,000
Công ty TNHH XD Điện và TM Quốc Minh	-	77,400,000
Đối tượng khác	22,000,000	204,791,000
Cộng	2,681,000,000	582,191,000
Tỉ lệ đối chiếu công nợ tại 31/12/2008 đạt 100%		
5. Các khoản phải thu khác		
Thuế thu nhập cá nhân	318,474,684	34,957,489
Đất Tân Ba	196,333,210	196,333,210
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	489,326,666	164,999,999
Khoản tiền gửi tại công ty chứng khoán Bảo Việt	745,929,856	-
Phải thu khác	12,100	-
Cộng	1,750,076,516	396,290,698
6. Dự phòng phải thu khó đòi		
Công ty công trình giao thông công cộng Tp.HCM	(52,778,427)	(26,389,214)
Cộng	(52,778,427)	(26,389,214)
7. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	399,060,738	951,657,518
Công cụ dụng cụ	5,128,120	4,970,667
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	185,347,765	253,431,774
Thành phẩm tồn kho	4,193,051,763	1,281,307,379
Hàng hóa tồn kho	-	151,555,166
Cộng	4,782,588,386	2,642,922,504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(239,345,998)	(766,164,789)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ	4,543,242,388	1,876,757,715
8. Tài sản ngắn hạn khác		
Thuế GTGT được khấu trừ tại chi nhánh Bình Phước	179,045,863	-
Tạm ứng	264,999,000	54,682,000
Cộng	444,044,863	54,682,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện Vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5,574,035,467	7,217,662,759	277,034,867	692,827,143	13,761,560,236
Mua trong năm		1,559,152,326	103,504,600	524,411,832	2,187,068,758
Tăng khác (*)	1,421,702,965				1,421,702,965
Thanh lý, nhượng bán		745,476,190			745,476,190
Số cuối năm	6,995,738,432	8,031,338,895	380,539,467	1,217,238,975	16,624,855,769
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	468,836,910	1,303,439,135	124,557,166	202,509,241	2,099,342,452
Tăng trong năm	844,547,374	1,566,894,089	107,820,793	171,142,833	2,690,405,089
Giảm trong năm		279,782,407			279,782,407
Số cuối năm	1,313,384,284	2,590,550,817	232,377,959	373,652,074	4,509,965,134
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5,105,198,557	5,914,223,624	152,477,701	490,317,902	11,662,217,784
Số cuối năm	5,682,354,148	5,440,788,078	148,161,508	843,586,901	12,114,890,635

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	17,754,000	-	17,754,000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	17,754,000	-	17,754,000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	1,972,667	-	1,972,667
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	1,972,667	-	1,972,667
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	15,781,333	-	15,781,333

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008	31/12/2007
Cải tạo sửa chữa đường vào công ty	-	225,964,240
Văn phòng làm việc Bình Phước	18,590,909	18,590,909
Cộng	18,590,909	244,555,149

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	31/12/2008	31/12/2007
12. Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí đền bù về đất khu vực khai thác	11,132,230,914	3,637,059,563
Hệ thống máy chấm công	11,869,018	24,817,038
Sửa chữa đường vào núi	1,596,221,890	325,742,966
Lợi thế thương mại	8,656,409,085	10,417,034,661
Khác	2,697,209,670	543,704,138
Cộng	24,093,940,577	14,948,358,366
13. Tài sản dài hạn khác		
Ký quỹ phục hồi môi trường	339,682,284	
Cộng	339,682,284	
14. Phải trả cho người bán		
XN Vận tải và KD tổng hợp HDP	2,512,573,293	1,782,909,938
DNTN Hà Tiên	2,348,125,249	88,864,556
Công ty vật liệu xây dựng Bình Dương	1,279,992,000	706,332,217
Công ty TNHH KS&XD Trung Thắng	366,964,972	-
Công ty Đức Vũ	284,305,476	-
Đối tượng khác	132,000,000	267,002,866
Cộng	6,923,960,990	2,845,109,607
Tỉ lệ đối chiếu công nợ tại 31/12/2008 đạt 100%		
15. Người mua trả tiền trước		
Công ty quản lý và phát triển đô thị Quận 9	144,430,469	21,595,920
Công ty TNHH Gia Phú	67,480,645	17,131,973
XN XD Phía Nam - Công ty Lũng Lô 2 (*)	46,517,074	-
Công ty CP Đại Nam	-	125,921,924
Công ty CP Lâm sản và XNK Tổng Hợp Bình Dương	-	196,414,229
Đối tượng khác(*)	181,188,796	340,453,843
Cộng	439,616,984	701,517,889
(*) Chưa được đối chiếu công nợ tại 31/12/2008.		
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế GTGT phải nộp tại văn phòng công ty	181,237,071	35,514,060
Thuế thu nhập cá nhân	318,474,684	36,498,789
Thuế tài nguyên	177,561,600	26,725,000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	89,255,000	53,450,000
Cộng	766,528,355	152,187,849

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	31/12/2008	31/12/2007
17. Phải trả người lao động		
Lương phải trả cho người lao động đã hạch toán vào chi phí	1,472,210,000	-
Tiền thưởng hoàn thành kế hoạch được trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi	1,096,548,000	-
Tiền thưởng, thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát	444,940,000	-
Cộng	3,013,698,000	
18. Chi phí phải trả	31/12/2008	31/12/2007
Phải trả khoản tiền ký quỹ phục hồi môi trường	339,682,284	
Cộng	339,682,284	
19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2008	31/12/2007
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	2,406,042,516	3,831,899,554
Kinh phí công đoàn	101,830,150	38,661,010
Bảo hiểm xã hội	-	34,975,755
Khoản tiền do công ty VLXDBD chi cho người lao động làm việc tại xí nghiệp trước thời điểm cổ phần hóa	333,943,000	
Cổ tức phải trả cho cổ đông(**)		8,037,613,826
Tiền cọc thuê mặt bằng, thế chấp	200,000,000	
Các khoản khác	934,808,120	117,418,000
Cộng	3,976,623,786	12,060,568,142

(*): Tài sản thừa chờ xử lý là giá trị ước tính theo giá vốn của khối lượng đá xây dựng đã bán vượt khối lượng đá xây dựng sản xuất trong kỳ được nhập kho theo định mức

(**): Cổ tức phải trả cho cổ đông căn cứ vào Quyết định của Giám đốc Công ty được Chủ tịch Hội đồng Quản trị chấp thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Năm trước					
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm trước	38,000,000,000				
- Lợi nhuận sau thuế tăng năm trước					26,169,839,482
- Phân phối lợi nhuận năm trước					19,168,180,256
+ Phân phối cho quỹ CSH		1,916,818,026	958,409,013	369,653,879	3,244,880,918
+ Cổ tức phải trả cho cổ đông					14,964,890,326
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi					958,409,013
- Giảm năm trước			22,446,000	132,738,000	
Số dư cuối năm trước	38,000,000,000	1,916,818,026	935,963,013	236,915,879	7,001,659,226
Năm nay					
Số dư đầu năm nay	38,000,000,000	1,916,818,026	935,963,013	236,915,879	7,001,659,226
- Tăng vốn trong năm nay					
- Lợi nhuận sau thuế tăng năm nay					67,328,021,293
- Phân phối lợi nhuận năm nay					38,196,784,309
+ Phân phối cho quỹ CSH		4,838,106,429	2,419,053,215	871,744,286	8,128,903,930
+ Cổ tức đã trả cho cổ đông					27,648,827,164
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi					2,419,053,215
- Giảm năm nay				1,039,323,000	
Số dư cuối năm nay	38,000,000,000	6,754,924,455	3,355,016,228	69,337,165	36,132,896,210

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
-Vốn đầu tư của nhà nước	11,400,000,000	11,400,000,000	19,380,000,000	19,380,000,000
-Vốn góp của cổ đông khác	26,600,000,000	26,600,000,000	18,620,000,000	18,620,000,000
Cộng	38,000,000,000	38,000,000,000	38,000,000,000	38,000,000,000

Công ty không phát hành trái phiếu.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận :

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
Vốn góp đầu năm	38,000,000,000	-
Vốn góp tăng trong năm	-	38,000,000,000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	38,000,000,000	38,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	35,640,200,000	7,993,784,899*

Cổ phiếu :

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.800.000 cổ phần	3.800.000 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	3.800.000 cổ phần	3.800.000 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	3.800.000 cổ phần	3.800.000 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000 cổ phần	3.800.000 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	3.800.000 cổ phần	3.800.000 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	162,436,007,876	126,462,695,028
Doanh thu bán hàng hóa	1,227,157,765	1,323,007,045
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,275,875,846	3,043,971,167
Cộng	167,939,041,487	130,829,673,240

Trong năm đơn vị không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

		Năm nay	Năm trước
22. Giá vốn hàng bán			
Giá vốn hàng bán		98,006,128,893	94,022,954,317
Giá vốn hoạt động khác		3,754,227,068	3,287,418,019
Cộng		101,760,355,961	97,310,372,336
23. Doanh thu hoạt động tài chính			
Lãi tiền gửi		3,922,113,727	473,451,408
Chênh lệch tỷ giá		87,062	11,501
Cộng		3,922,200,789	473,462,909
24. Chi phí bán hàng			
Chi phí nhân viên bán hàng		868,951,392	754,026,047
Chi phí vật liệu bao bì		-	9,360,000
Chi phí dụng cụ đồ dùng		-	47,136,031
Chi phí khấu hao TSCĐ		83,908,000	260,739,984
Chi phí dịch vụ mua ngoài		1,120,855,854	295,834,917
Chi phí bằng tiền khác		397,476,358	133,400,110
Cộng		2,471,191,604	1,500,497,089
25. Chi phí quản lý doanh nghiệp			
Chi phí nhân viên quản lý		3,350,981,149	3,096,149,864
Chi phí vật liệu quản lý		164,177,220	47,521,273
Chi phí đồ dùng văn phòng		165,404,044	202,551,473
Chi phí khấu hao TSCĐ		281,571,283	277,929,640
Thuế, phí và lệ phí		8,604,314	59,088,232
Chi phí dịch vụ mua ngoài		299,356,279	281,350,294
Chi phí bằng tiền khác		970,755,929	954,405,638
Cộng		5,240,850,218	4,918,996,414
26. Thu nhập khác			
Thanh lý TSCĐ		1,634,285,715	1,190,476,190
Xử lý hàng thừa năm 2007		3,831,899,554	-
Thu nhập khác		97,546,282	-
Cộng		5,563,731,551	1,190,476,190

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ : Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

27. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý TSCĐ	624,554,751	2,135,496,137
Chi phí khác	-	5,777,777
	624,554,751	2,141,273,914

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu vật liệu	15,084,682,988	8,255,714,746
Chi phí nhân công	7,445,720,304	1,429,032,336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,064,711,001	2,254,027,879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68,714,512,633	78,457,823,166
Chi phí khác bằng tiền	10,742,540,364	5,144,274,035
Cộng	104,052,167,290	95,540,872,162

29. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo Công văn gửi Cục Thuế tỉnh Bình Dương số 06/TT-NN06 ngày 25/12/2006, Công ty đăng ký miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ 01/01/2007.

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67,328,021,293	26,622,472,578
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	544,167,696	-
Chênh lệch vĩnh viễn : Tăng (+), Giảm (-)	204,485,412	-
+ Thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính từ nguồn quỹ phúc lợi	204,485,412	-
Chênh lệch tạm thời : Tăng (+), Giảm (-)	339,682,284	-
+ CP trích trước phục hồi môi trường	339,682,284	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	67,872,188,989	26,622,472,578
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19,004,212,917	7,454,292,322
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(19,004,212,917)	(7,001,659,226)
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	452,633,096

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế phải nộp được trình bày trên Báo cáo tài chính 2008 có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

Địa chỉ: Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	67,328,021,293	26,169,839,482
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	3,800,000	3,800,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17,717.90	6,886.80

VII. Những thông tin khác**1. Giao dịch với bên liên quan**

Bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ với Công ty**

Công ty Vật liệu Xây dựng Bình Dương Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan**Nội dung giao dịch với Bên liên quan**

Công ty Vật liệu Xây dựng Bình Dương	Đã trả tiền thi công xây nhà mới	706,332,231
	Phải trả tiền thi công VP làm việc tại Bình Phước	1,279,992,000
	Đã trả tiền thi công VP làm việc tại Công ty	932,847,500
	Phải thu tiền bán sản phẩm	41,827,590,591
	Đã thu tiền bán sản phẩm	41,251,802,551

Số tiền

Tại ngày kết thúc năm tài chính (31/12/2008), công nợ với Bên liên quan như sau:

Bên liên quan**Nội dung công nợ với Bên liên quan**

Công ty Vật liệu Xây dựng Bình Dương	Phải trả tiền thi công VP làm việc tại Bình Phước	1,279,992,000
	Phải thu tiền bán sản phẩm	3,735,091,647

Số tiền**2. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2008:**

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2008 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán.

Kế toán trưởng



NGUYỄN QUỐC BÌNH

Bình Dương, ngày 09 tháng 04 năm 2009

Giám đốc



PHẠM TRỌNG NHÂN